

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

Số: **7452** /TCHQ-GSQL

V/v thực hiện Nghị định số
102/2020/NĐ-CP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày **24** tháng 11 năm 2020

Kính gửi: Cục Hải quan các tỉnh, thành phố.

Thời gian qua, Tổng cục Hải quan nhận được phản ánh vướng mắc của một số Cục hải quan tỉnh, thành phố liên quan đến việc thực hiện Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gói hợp pháp Việt Nam. Về việc này, Tổng cục Hải quan đã tổng hợp và trả lời các nội dung vướng mắc theo bảng tổng hợp gửi kèm.

Tổng cục Hải quan có ý kiến đề các đơn vị biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, GSQL (3b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Xuân Thành

TỔNG HỢP GIẢI ĐÁP VƯỚNG MẮC VỀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 102/2020/NĐ-CP

(Kèm công văn số **7452** /TCHQ-GSQL ngày **24** /11/2020 của Tổng cục Hải quan)



TT	Nội dung vướng mắc	Đơn vị	Nội dung trả lời
Điều 7 Nghị định 102/2020/NĐ-CP:			
1	<p>Theo quy định về cấp phép FLEGT tại Điều 14 của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP thì: Giấy phép FLEGT được cấp cho một lô hàng gỗ hợp pháp thuộc Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này của một chủ gỗ xuất khẩu hoặc tạm nhập, tái xuất đến cửa khẩu nhập khẩu đầu tiên vào thị trường EU; Một lô hàng gỗ xuất khẩu vào thị trường EU chỉ được cấp một giấy phép FLEGT và được cấp trước thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.</p> <p>Nhưng theo quy định tại Điều 7 của Nghị định thì lô hàng nhập khẩu từ quốc gia đã ký kết Hiệp định gỗ hợp pháp với EU và đang vận hành hệ thống cấp phép FLEGT thì phải nộp bản sao giấy phép FLEGT xuất khẩu do cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp.</p> <p>Như vậy, được hiểu là gỗ nhập khẩu vào Việt Nam từ tất cả các nước (14 nước) ký kết Hiệp định đều phải nộp giấy phép FLEGT hay chỉ nhập khẩu từ các nước EU mới phải nộp?</p>	<p>Cục Hải quan các tỉnh, thành phố: Cần Thơ, Bình Dương, Đắk Lắk, Bình Phước</p>	<p>Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP quy định về hồ sơ gỗ nhập khẩu thì việc nộp bản sao giấy phép FLEGT xuất khẩu do cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp chỉ áp dụng đối với gỗ nhập khẩu từ quốc gia đã ký kết Hiệp định gỗ hợp pháp với EU và đang vận hành hệ thống cấp phép FLEGT.</p> <p>Danh sách các quốc gia đã ký kết Hiệp định gỗ hợp pháp với EU và đang vận hành hệ thống cấp phép FLEGT hiện đang được Bộ NN&PTNT xây dựng và sẽ ban hành trong thời gian tới. Trước mắt, đề nghị Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện theo hướng dẫn của Tổng cục Hải quan tại công văn số 7131/TCHQ-GSQL ngày 06/11/2020.</p>
2	<p>Hiện nay, chưa có Danh sách các quốc gia đã ký kết Hiệp định gỗ hợp pháp với EU và đang vận hành hệ thống cấp phép FLEGT để cơ quan hải quan có cơ sở thực hiện khoản 2b Điều 7 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP.</p>		
3	<p>Theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP thì doanh nghiệp phải nộp mẫu số 1 hoặc mẫu số 2 của Phụ lục I khi thực hiện thủ tục hải quan cho Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai, nhưng tại ghi chú của mẫu số 1, mẫu số 2 yêu cầu Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi thông quan xác nhận. Trong trường hợp hàng hóa chuyển cửa khẩu thì đơn vị nào sẽ xác nhận trên biểu mẫu là Chi cục Hải quan nơi đăng ký và thông quan hay chi cục Hải quan cửa khẩu nhập nơi lưu trữ hàng hóa? Trường hợp là Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập xác nhận vậy doanh nghiệp phải lấy lại biểu mẫu đã nộp tại Chi cục nơi</p>	<p>Cục Hải quan tỉnh Bình Phước</p>	<p>Đề nghị đơn vị căn cứ công văn số 7131/TCHQ-GSQL ngày 06/11/2020 của Tổng cục Hải quan để thực hiện</p>

TT	Nội dung vướng mắc	Đơn vị	Nội dung trả lời
	đăng ký tờ khai sau khi hàng hóa đã thông quan để mang đi xác nhận rồi nộp lại hay không và quy định thời gian nộp như thế nào?		
4	Trong phần ghi chú của Mẫu 2 có hướng dẫn khai báo mã các mặt hàng sản phẩm gỗ tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định. Đối với trường hợp sản phẩm gỗ nhập khẩu có mã HS không nằm trong phụ lục III ban hành kèm Nghị định (Ví dụ: 4417, 4419, 4420, 4421) thì có phải nộp Mẫu 02 không?	Cục Hải quan tỉnh Bình Dương	Việc cấp giấy phép FLEGT đối với gỗ xuất khẩu đề nghị Đơn vị căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP và hướng dẫn tại Mẫu số 02 ban hành kèm Nghị định để thực hiện.
5	Mục C Mẫu số 03 quy định chủ gỗ phải kê khai một trong các tài liệu về nguồn gốc khai thác hợp pháp và xuất trình kèm theo các tài liệu kê khai cụ thể. Hiện nay chưa có thông tin, hướng dẫn các tài liệu nêu trên để cơ quan hải quan đối chiếu, kiểm tra.	Cục Hải quan tỉnh Bình Dương, Đắk Lắk	Đề nghị đơn vị kiểm tra đối chiếu tính phù hợp giữa nội dung kê khai của người khai hải quan với các chứng từ, tài liệu do người khai hải quan kê khai và nộp. Người khai hải quan chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự xác thực của nội dung đã khai và các chứng từ đã nộp, xuất trình cho cơ quan hải quan
Điều 28 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP			
1	<p>Theo quy định tại Điều 28 của Nghị định thì:</p> <p>2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông nhất với Ủy ban thực thi chung thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này, Thủ tướng Chính phủ quyết định thời điểm thực hiện đối với quản lý gỗ xuất khẩu quy định tại Mục 2 Chương II, cấp giấy phép FLEGT quy định tại Mục 1 Chương IV Nghị định này.</p> <p>3. Quy định về phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ tại Chương III Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 18 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.</p> <p>Vậy, đối với những lô hàng xuất khẩu gỗ trong thời gian chưa có quyết định của Chính phủ về thời điểm thực hiện đối với quản lý gỗ xuất khẩu có thể được hiểu là chưa áp dụng quy định tại Nghị định số 102/2020/NĐ-CP không?</p>	Cục Hải quan tỉnh Bình Phước	Việc quản lý gỗ xuất khẩu quy định tại Mục 2 Chương II, cấp giấy phép FLEGT quy định tại Mục 1 Chương IV Nghị định số 102/2020/NĐ-CP chỉ có giá trị thực hiện sau khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ